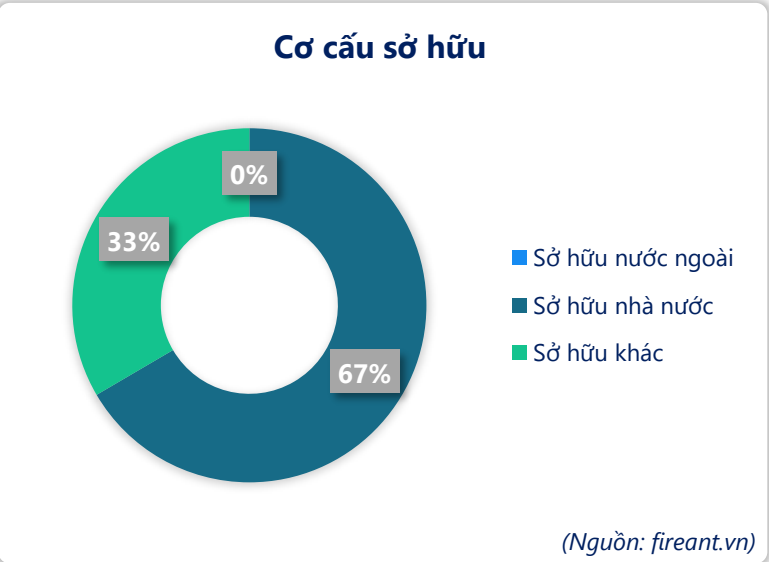
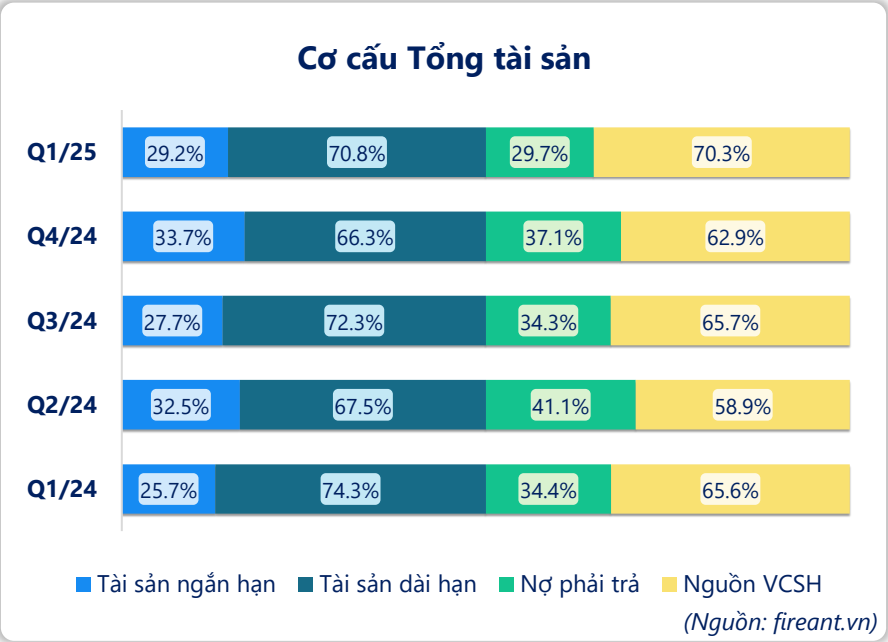
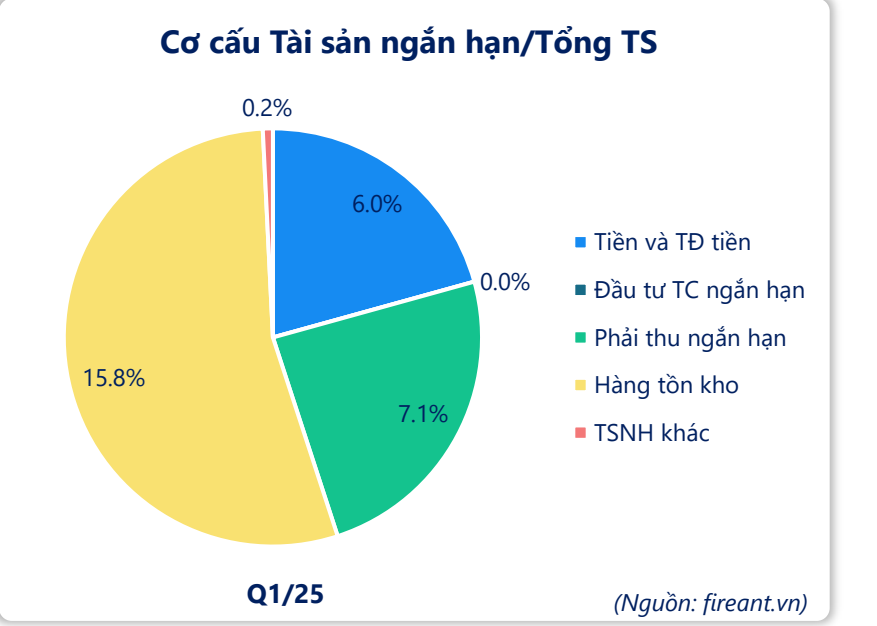
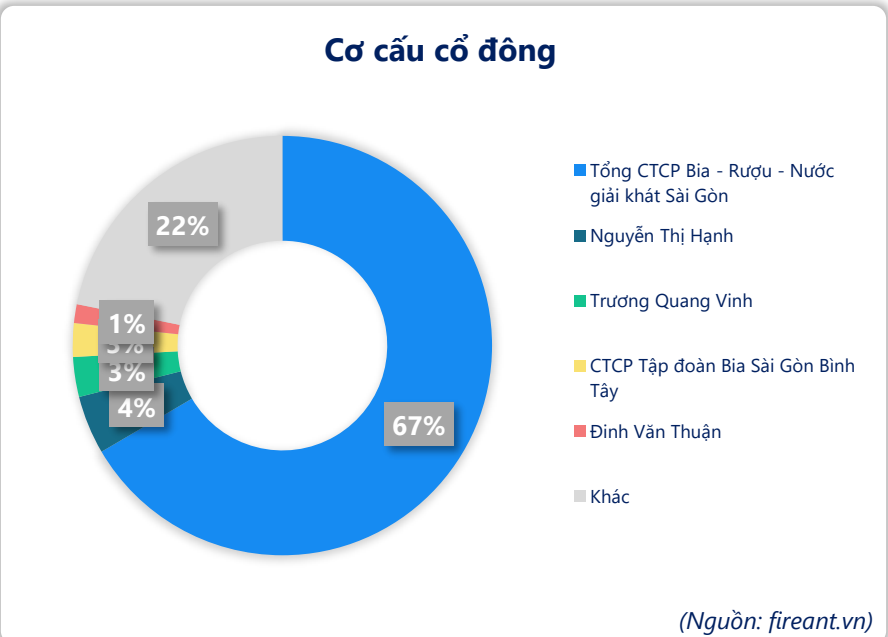
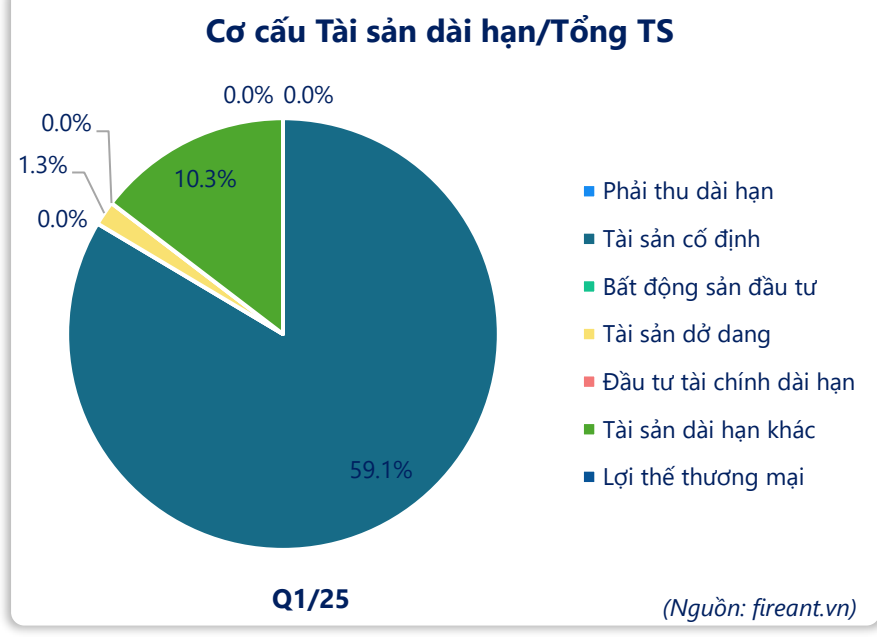
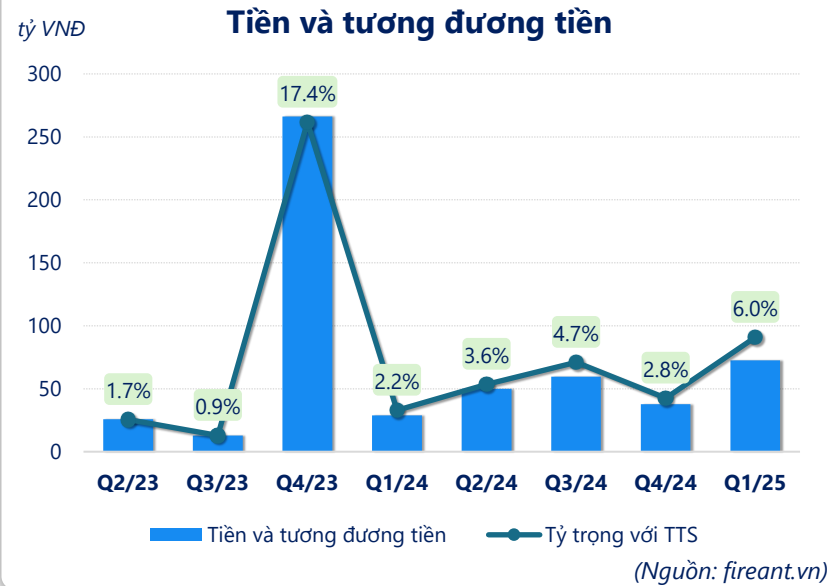
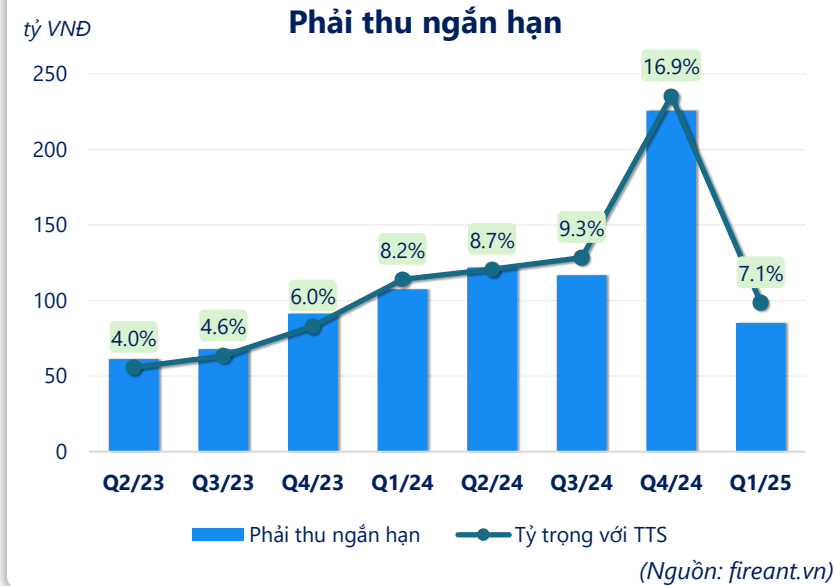
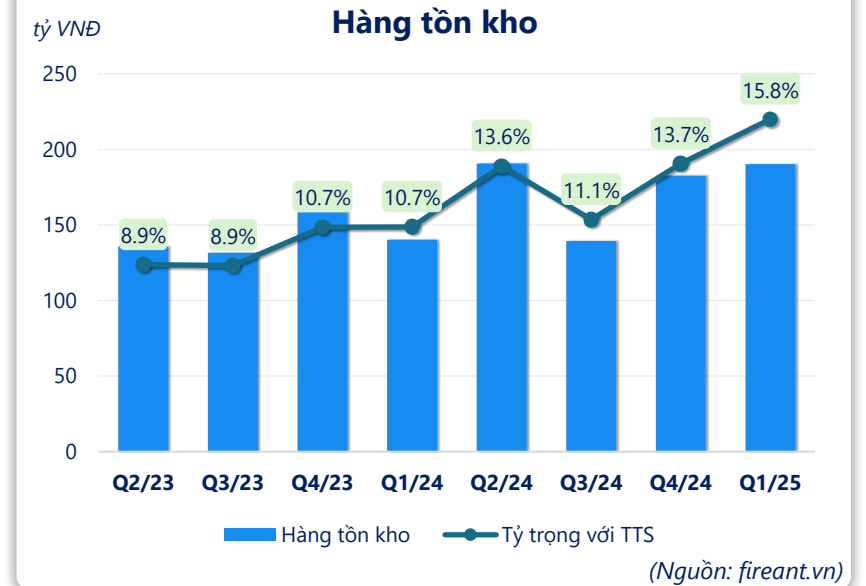
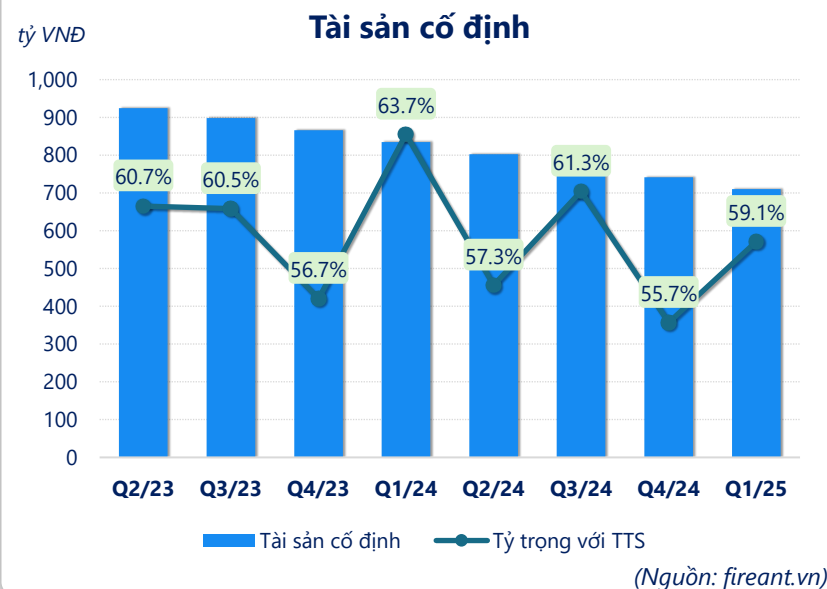
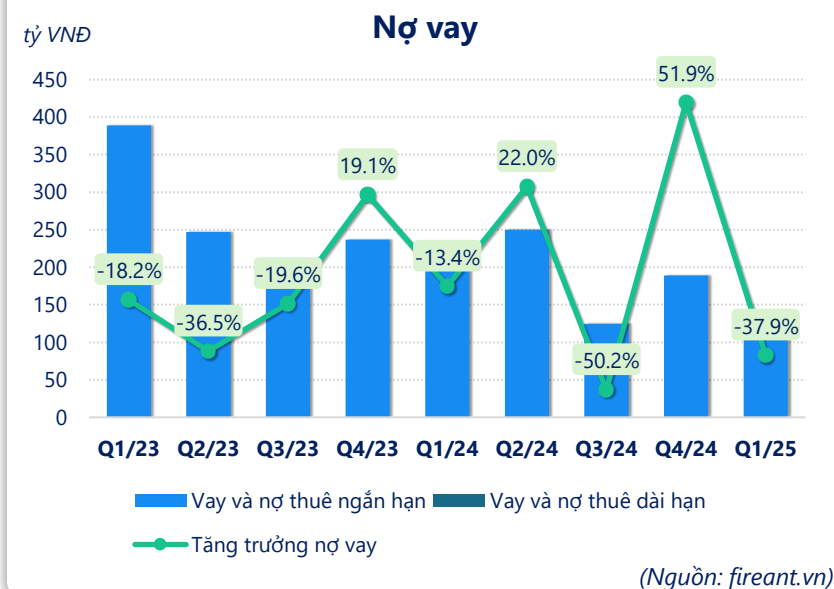
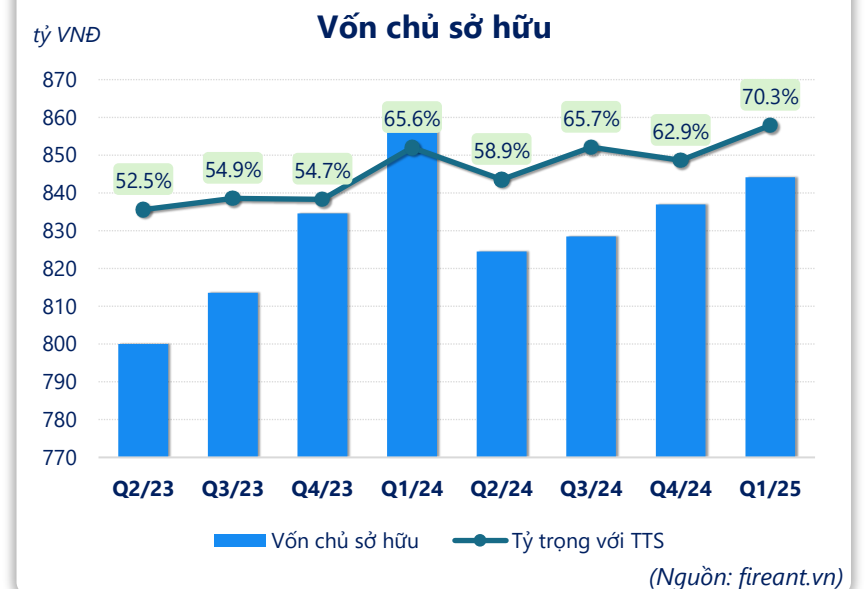
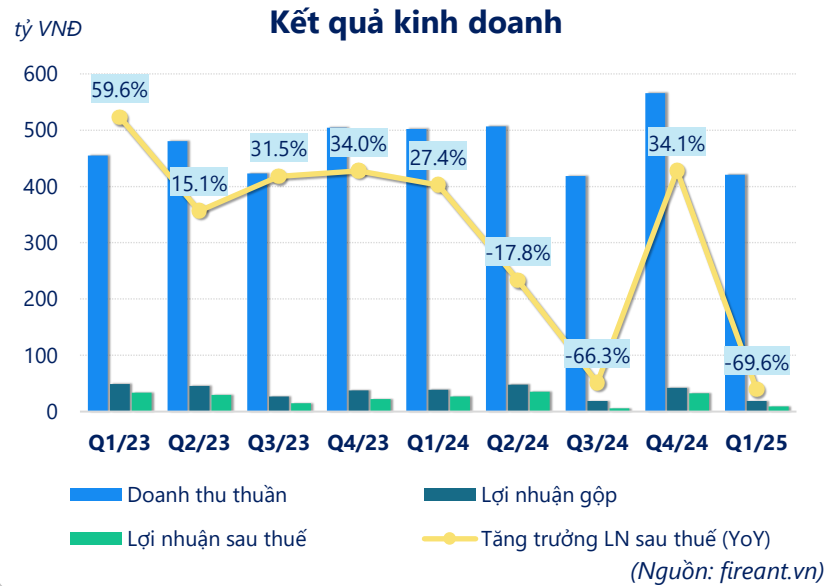
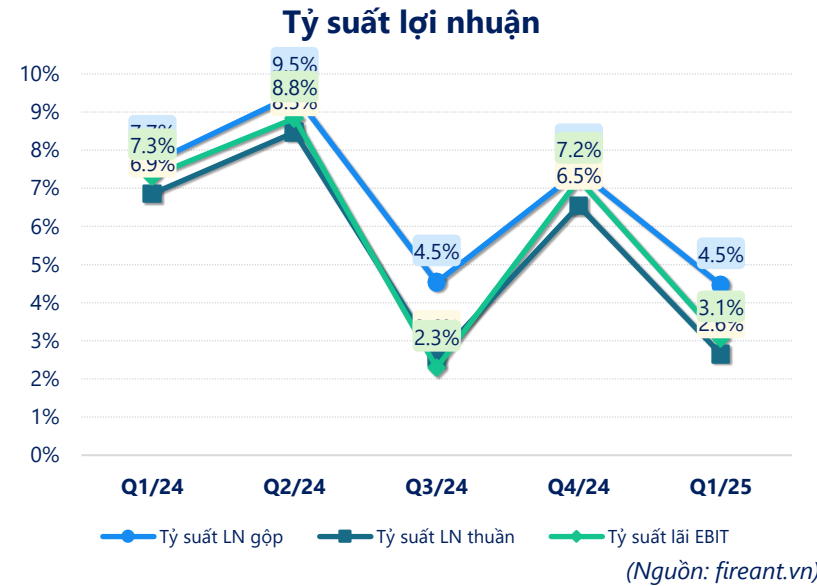
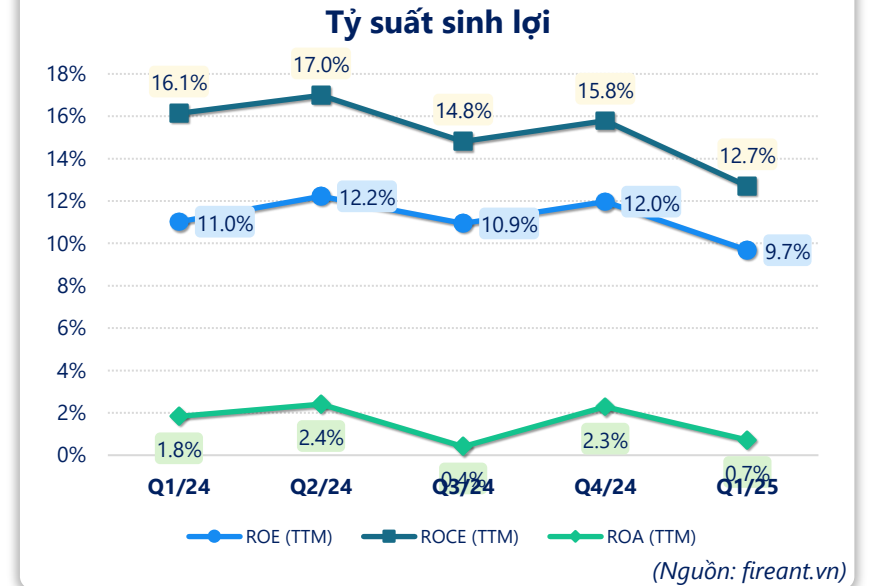
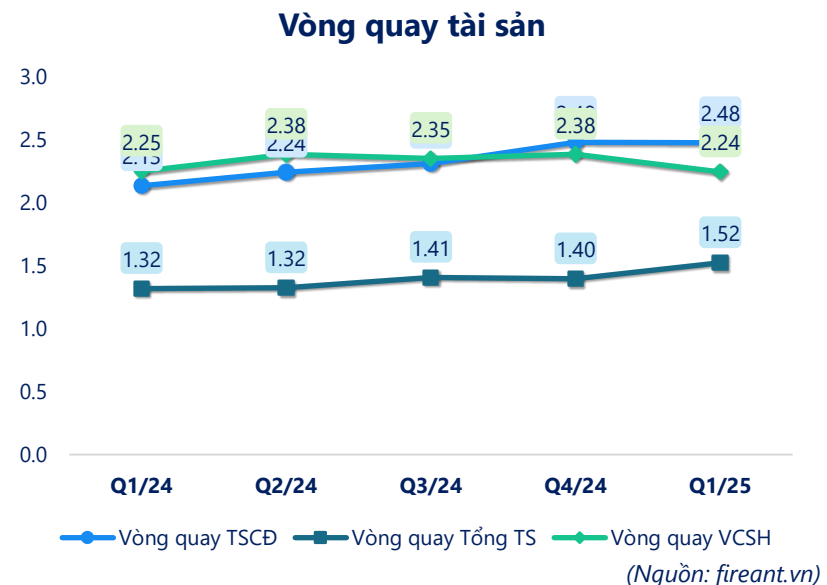
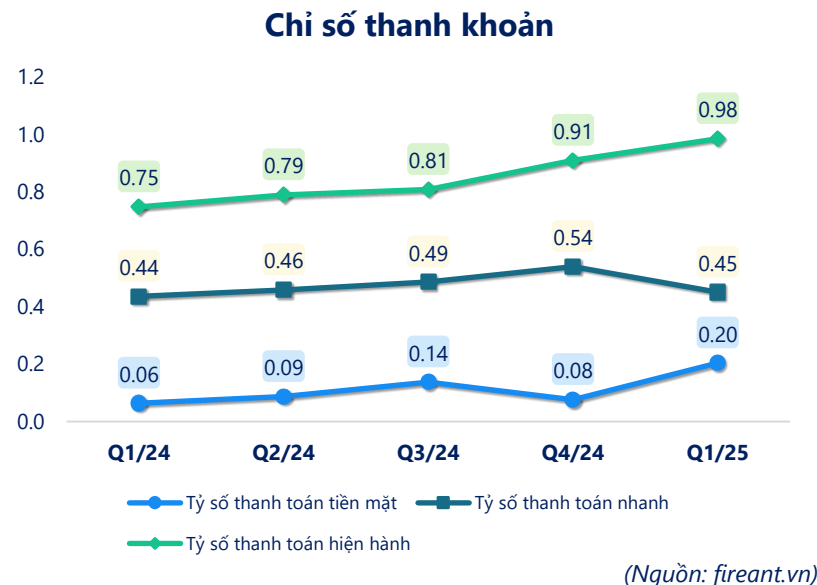
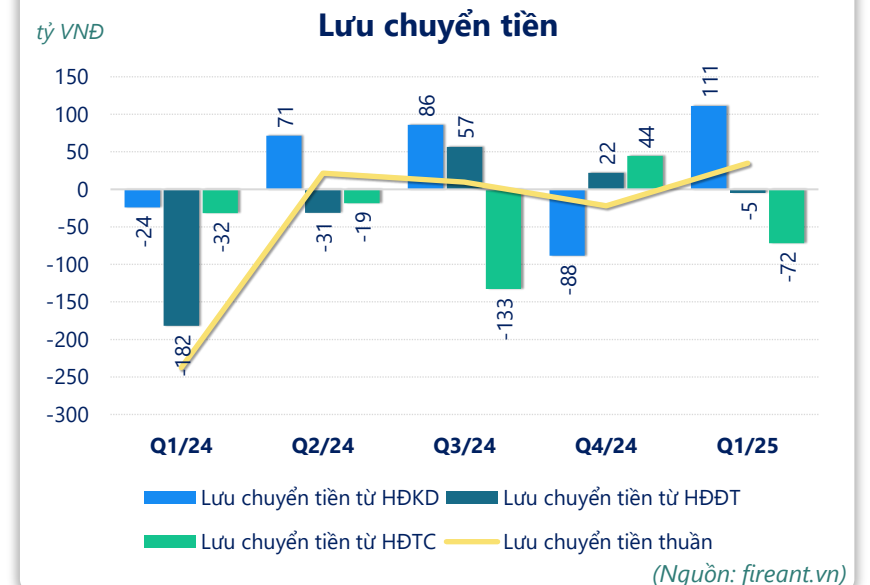


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,732
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,580
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		968
P/E		11.7
EPS		1,832

	YTD	1T	3T	6T
BSQ	2.4%	0.0%	4.9%	5.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,200	1,331	-9.8%
Tài sản ngắn hạn	351	449	-21.9%
Tiền và tương đương tiền	72.6	37.7	92.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	85.2	226	-62.2%
Hàng tồn kho	190	183	4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.72	3.03	-10.3%
Tài sản dài hạn	850	882	-3.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	710	741	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	15.5	14.4	7.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	124	126	-1.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	356	494	-27.9%
Nợ ngắn hạn	356	494	-27.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	117	189	-37.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.1	49.3	-38.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	844	837	0.9%
Vốn chủ sở hữu	844	837	0.9%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	502	507	418	566	421
Giá vốn hàng bán	464	459	399	524	402
Lợi nhuận gộp	38.5	47.9	19.0	42.2	18.8
Doanh thu HĐTC	5.49	1.57	0.67	1.20	0.20
Chi phí TC	2.30	1.83	2.11	0.73	1.67
Chi phí lãi vay	2.31	1.82	1.81	0.68	1.66
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.38	2.90	3.59	3.10	2.67
Chi phí QLDN	3.89	1.83	3.26	2.52	3.50
LN thuần từ HĐKD	34.5	42.9	10.7	37.0	11.1
Lợi nhuận khác	-0.01	0.01	-2.89	3.19	0.11
LN trước thuế	34.4	42.9	7.80	40.2	11.3
Lợi nhuận sau thuế	26.5	35.3	5.58	32.7	8.93
LNST của CĐ cty mẹ	26.5	35.3	5.58	32.7	8.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-24.1	71.4	85.8	-88.5	111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-182	-31.4	56.7	22.1	-4.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.7	-18.7	-133	44.4	-71.6
Tiền đầu kỳ	266	28.7	50.0	59.6	37.7
Lưu chuyển tiền thuần	-238	21.4	9.65	-21.9	34.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	-0.09	0.00	-0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	28.7	50.0	59.6	37.7	72.6

(Nguồn: fireant.vn)